

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01 -11-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Hồ Sỹ Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thẽ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 12/10/2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1973. Có mặt.

Đều có nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 7 năm 2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:** Nguyên đơn và anh Trần Xuân H có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 11 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 06 tháng đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H nghe lời cha mẹ, sống không có trách nhiệm với vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh H có hành vi đánh

đập chị H nhiều lần. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng nhau. Từ tháng 6/2018, chị H và anh H sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và không thể khắc phục được. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng có 02 người con chung tên là Trần Xuân T, sinh ngày 30/7/1999; Trần Xuân L, sinh ngày 07/9/2007. Đối với cháu Trần Xuân T đã trên 18 tuổi, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu giao cháu Trần Xuân L cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, nằm trên diện tích đất 735,5m² tại thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn xin xác nhận; Ba bản sao trích lục khai sinh Trần Xuân T, Trần Xuân L, Nguyễn Thị H; Bản sao sổ hộ khẩu mang tên Trần Xuân H; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị H.

*** Lời khai trình bày của bị đơn anh Trần Xuân H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:** Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 11 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trước khi kết hôn anh và chị H có sự tự nguyện tìm hiểu nhau 05 tháng, không tiến hành lễ cưới. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 18 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh H có đánh đập chị H và chị H cũng đánh lại anh. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Từ tháng 7/2018 anh và chị H sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay anh H vẫn còn tình thương yêu chị H, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Anh Trần Xuân H thừa nhận vợ chồng có 02 người con chung tên là Trần Xuân T, sinh ngày 30/7/1999; Trần Xuân L, sinh ngày 07/9/2007. Đối với cháu Trần Xuân T đã trên 18 tuổi, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H yêu cầu giao cháu L cho anh chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Xuân H thừa nhận vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, nằm trên diện tích đất 735,5m² tại thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Xác minh của Tòa án nhân dân huyện P tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện:*** Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 11 năm 1998. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, có lần chị Nguyễn Thị H đã đến Ban Công an xã L trình báo về việc anh Trần Xuân H đánh đập chị. Chính quyền xã đã mời chị H, anh H đến làm việc. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân H là trầm trọng, không thể hàn gắn, khắc phục được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Xuân H cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Xuân H. Về việc nuôi con: Đối với cháu Trần Xuân T đã trên 18 tuổi, chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Trần Xuân L cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Xuân H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23 tháng 10 năm 2018, anh H vắng mặt nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh H vắng mặt là gây ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân H đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên

Huế vào ngày 03/11/1998. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị H và anh H, Hội đồng đồng xét xử xét thấy: Quá trình sống chung có hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, giữa chị H và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình. Từ tháng 7/2018, chị H và anh H đã sống ly thân, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa, chị H cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với anh H mặc dù yêu cầu đoàn tụ vợ chồng, nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh H cũng không tìm những giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Trần Xuân H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân H có 02 người con chung tên là Trần Xuân T, sinh ngày 30/7/1999; Trần Xuân L, sinh ngày 07/9/2007. Đối với cháu Trần Xuân T đã trên 18 tuổi, chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Trần Xuân L chưa đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy cả chị H và anh H đều có nguyện vọng nuôi con. Quá trình làm việc tại Tòa án thì cháu L có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay cháu L đang ở với chị H, nên cần giao cháu L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Trần Xuân H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Xuân L, sinh ngày 07/9/2007 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Trần Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Huệ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006334, ngày 16/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT- Huế;
 - VKSND huyện P;
 - Chi cục THADS huyện P;
 - Đương sự;
 - UBND xã L,
- huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN NGỌC TÚ